

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 5 - 2025

*V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thê và ông Phạm Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 235/2024/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2025/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2025/TB-TA, ngày 24 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2025/TB-TA, ngày 09 tháng 5 năm 2025 giữa:

- Họ và tên nguyên đơn: Hoàng Thị T, Sinh ngày: 10/7/1994. Địa chỉ: thôn E, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. vắng mặt.

- Họ và tên bị đơn: Nguyễn Văn Đ, Sinh ngày: 16/11/1994. HKTT trước khi xuất cảnh: thôn E, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện tại đang ở tại Cộng hòa S. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị [Hoàng Thị T](#) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị [Hoàng Thị T](#) và anh [Nguyễn Văn Đ](#) kết hôn với nhau năm 2015 có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#) trên tinh thần tự nguyện. Sau khi chung sống một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống của hai người không hợp nhau. Giữa hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột nhau trong cuộc sống vợ chồng. Vì các lý do trên nên quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng bắt đầu đi xuống và không thể ở chung với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Hiện nay, anh [Nguyễn Văn Đ](#) đang sinh sống và làm việc tại [Cộng hòa S](#). Vì vậy, chị [Hoàng Thị T](#) làm đơn đề nghị Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh [Nguyễn Văn Đ](#).

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu [Nguyễn Bảo H](#), sinh ngày 30/6/2016 và cháu [Nguyễn Mạnh C](#), sinh ngày 09/11/2017. Hiện nay, cả 2 con chung đều đang sống cùng ông bà nội là ông [Nguyễn Xuân N](#) (sinh năm 1963) và bà [Nguyễn Thị T1](#) (sinh năm 1965) cùng trú tại [thôn E, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#). Chị [T](#) đề nghị giao 02 con chung cho anh [Nguyễn Văn Đ](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Đối với bị đơn anh [Nguyễn Văn Đ](#), sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và được người thân của anh [Đ](#) nhận thay. Đồng thời, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng và đăng thông tin trên phương tiện thông tin theo quy định để anh [Nguyễn Văn Đ](#) biết việc chị [Hoàng Thị T](#) có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng đến nay anh [Đ](#) vẫn không có văn bản trình bày quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa XIV, cụ thể:

- Về tình cảm: chị [Hoàng Thị T](#) được ly hôn anh [Nguyễn Văn Đ](#).

- Về con chung: Giao hai con chung [Nguyễn Bảo H](#), sinh ngày 30/6/2016 và [Nguyễn Mạnh C](#), sinh ngày 09/11/2017 cho anh [Nguyễn Văn Đ](#) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị [Hoàng Thị T](#) được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

- Về án phí: chị [Hoàng Thị T](#) phải chịu án phí giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chị [Hoàng Thị T](#) trình bày hiện nay anh [Nguyễn Văn Đ](#) đang lao động tại [Cộng hòa S](#), không có địa chỉ cụ thể. Vì vậy, Tòa án đã đề nghị [Cục Q](#) cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh [Nguyễn Văn Đ](#) và tại Công văn số 1339/QLXNC – Đ1, ngày 20/12/2024 của Phòng QLXNC [Công an tỉnh H](#) cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh [Nguyễn Văn Đ](#), sinh ngày 16/11/1994 đã xuất cảnh ngày 23/3/2023 qua [sân bay Quốc tế N](#) và hiện chưa có thông tin nhập cảnh trên hệ thống. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về anh [Nguyễn Văn Đ](#) thông qua người thân của anh và thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng và đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

Tại phiên tòa, anh [Nguyễn Văn Đ](#) vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để giải quyết vắng mặt anh [Đ](#) theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh [Nguyễn Văn Đ](#) và chị [Hoàng Thị T](#) tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh](#). Sau khi chung sống một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, xung đột nhau trong cuộc sống vợ chồng. Vì các lý do trên nên quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng bắt đầu đi xuống và không thể ở chung với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Hiện nay, anh [Nguyễn Văn Đ](#) đang sinh sống và làm việc tại [Cộng hòa S](#). Vì vậy, chị [T](#) làm đơn đề nghị Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh [Nguyễn Văn Đ](#).

Hiện nay anh [Nguyễn Văn Đ](#) đang lao động tại [Cộng hòa S](#), Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục xác minh địa chỉ và nhắn tin trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh [Đ](#) không có ý kiến bằng văn bản và cũng không có mặt theo thông báo làm việc. Vì vậy đây thuộc trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ theo khoản 1 Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định.

Xét thấy tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, nay tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng. Anh Đ đã biết việc chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị T, giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

[2.2] Về con chung: chị Hoàng Thị T có nguyện vọng giao 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo H và cháu Nguyễn Mạnh C cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy hiện nay, cả 2 con chung đều đang sống cùng ông bà nội là ông Nguyễn Xuân N (sinh năm 1963) và bà Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1965) cùng trú tại thôn E, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, các con đều có nguyện vọng được sống cùng bố. Để đảm bảo ổn định cuộc sống của các con chung, cần giao cháu Nguyễn Bảo H và cháu Nguyễn Mạnh C cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian anh Đ đang ở nước ngoài, tạm giao cho ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa XIV. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Tuyết. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Bảo H, sinh ngày 30/6/2016 và Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 09/11/2017 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Hoàng Thị T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000199 ngày 03/12/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm

yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Xuân Liên, huyện Nghi Xuân;
- Dương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Lệ Thu